

CHÍNH PHỦ
Số: 94/2001/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Luật sư

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Pháp lệnh Luật sư ngày 25 tháng 7 năm 2001;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Luật sư về điều kiện hành nghề luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, thù lao luật sư, Đoàn luật sư, quản lý hành nghề luật sư, xử lý vi phạm về hành nghề luật sư và việc chuyển tiếp đối với luật sư, Đoàn luật sư.

Điều 2. Quyền hành nghề của luật sư

Người có đủ điều kiện theo quy định của Pháp lệnh Luật sư được hành nghề luật sư theo các hình thức và phạm vi hành nghề quy định tại Pháp lệnh Luật sư, Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với luật sư và hành nghề luật sư

1. Nhà nước khuyến khích phát triển nghề luật sư và thực hiện các biện pháp hỗ trợ luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước phải tôn trọng quyền của luật sư trong hành nghề, không được có hành vi cản trở luật sư thực hiện các quyền, nghĩa vụ của họ đã được pháp luật quy định.
3. Cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện, kiểm tra, thanh tra về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư nhằm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của luật sư và tổ chức luật sư trong hoạt động nghề nghiệp.
4. Người có hành vi vi phạm pháp luật về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư thì bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 4. Gia nhập Đoàn luật sư

1. Người muốn hành nghề luật sư phải gia nhập Đoàn luật sư của địa phương nơi mình cư trú. Nơi cư trú của một người được xác định theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Dân sự.
2. Người muốn gia nhập Đoàn luật sư phải có đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh Luật sư.

Người có trình độ đại học luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Pháp lệnh Luật sư là người có bằng cử nhân luật hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật do cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp, hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật do cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Người tốt nghiệp khoá đào tạo nghề luật sư quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Pháp lệnh Luật sư là người có giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề luật sư do cơ sở đào tạo nghề luật sư ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài cấp. Thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo nghề luật sư ở Việt Nam là 6 tháng. Bộ Tư pháp quy định nội dung,

hình thức, quy hoạch đào tạo nghề luật sư ở Việt Nam và công nhận giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề luật sư do cơ sở đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài cấp.

Điều 5. Chế độ tập sự hành nghề luật sư

1. Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư giới thiệu luật sư tập sự với tổ chức hành nghề luật sư để luật sư tập sự có điều kiện rèn luyện đầy đủ các kỹ năng hành nghề luật sư và đạo đức nghề nghiệp luật sư. Tổ chức hành nghề luật sư có nghĩa vụ nhận luật sư tập sự và cử luật sư hướng dẫn luật sư tập sự.

Trong trường hợp luật sư tập sự đã thoả thuận được với một tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận luật sư tập sự đó thì Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư giới thiệu luật sư tập sự với tổ chức hành nghề luật sư đó.

Tổ chức hành nghề luật sư phải tạo điều kiện cho luật sư tập sự thực hành các kỹ năng hành nghề luật sư. Luật sư tập sự phải chấp hành nội quy của tổ chức hành nghề luật sư, thực hiện những nhiệm vụ do tổ chức hành nghề luật sư giao.

Căn cứ quy định của Pháp lệnh Luật sư và Nghị định này, Đoàn luật sư quy định cụ thể việc giới thiệu, nhận và việc tập sự của luật sư tập sự tại tổ chức hành nghề luật sư.

2. Luật sư tập sự được tham gia tố tụng trong các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân cấp huyện, Toà án quân sự khu vực theo sự phân công của luật sư hướng dẫn và khi được khách hàng đồng ý. Khi tham gia tố tụng, luật sư tập sự có các quyền và nghĩa vụ của luật sư theo quy định của pháp luật tố tụng và Pháp lệnh Luật sư. Đối với những vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án quân sự quân khu và tương đương, luật sư tập sự được cùng với luật sư hướng dẫn nghiên cứu hồ sơ, gặp bị can, bị cáo và đương sự khác, khi được họ đồng ý.

Luật sư tập sự được thực hiện tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác cho khách hàng theo sự phân công của luật sư hướng dẫn khi được khách hàng đồng ý, nhưng không được ký văn bản tư vấn pháp luật và phải chịu trách nhiệm về chất

lượng công việc mà mình thực hiện trước luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nơi mình tập sự.

Điều 6. Thẻ thức kiểm tra hết tập sự

1. Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư cho các luật sư tập sự. Việc kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư được tổ chức theo khu vực theo quy định của Bộ Tư pháp.

Thành phần Hội đồng kiểm tra bao gồm các luật sư có trình độ và uy tín nghề nghiệp, đại diện Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan là các chuyên gia pháp lý am hiểu nghề luật sư.

Bộ Tư pháp ban hành Quy chế kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư.

2. Luật sư tập sự đạt yêu cầu kiểm tra hết tập sự được Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Người không đạt yêu cầu kiểm tra thì được gia hạn tập sự tối đa là 2 lần, mỗi lần gia hạn từ 6 tháng đến 12 tháng. Sau lần gia hạn thứ hai mà luật sư tập sự vẫn không đạt yêu cầu kiểm tra thì bị xoá tên khỏi danh sách luật sư tập sự của Đoàn luật sư.

Điều 7. Sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư

Người có Chứng chỉ hành nghề luật sư và là thành viên Đoàn luật sư mới được sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư để hành nghề luật sư.

Chương III

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 8. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư

1. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư là Văn phòng luật sư và Công ty luật hợp danh được quy định tại các điều 17, 18 và 19 của Pháp lệnh Luật sư.

2. Luật sư hành nghề với tư cách là thành viên của Văn phòng luật sư hoặc của Công ty luật hợp danh hoặc là người làm việc theo hợp đồng cho Văn phòng luật sư hoặc cho Công ty luật hợp danh.

3. Một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 9. Điều lệ Công ty luật hợp danh, Hợp đồng thành lập Văn phòng luật sư

1. Điều lệ Công ty luật hợp danh gồm có những nội dung chính sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở;
- b) Lĩnh vực hành nghề;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú của các luật sư thành viên;
- d) Quyền và nghĩa vụ của các luật sư thành viên;
- đ) Phần đóng góp của mỗi luật sư thành viên;
- e) Điều kiện và thủ tục tham gia hoặc rút tên khỏi danh sách luật sư thành viên;
- g) Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành;
- h) Thể thức thông qua quyết định, nghị quyết; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;
- i) Nguyên tắc phân chia lợi nhuận và trách nhiệm của các luật sư thành viên đối với nghĩa vụ của Công ty;
- k) Các trường hợp tạm ngừng, chấm dứt hoạt động và thủ tục thanh lý tài sản;
- l) Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty luật hợp danh.

Điều lệ Công ty luật hợp danh phải có chữ ký của tất cả luật sư thành viên.

2. Hợp đồng thành lập Văn phòng luật sư do một số luật sư thành lập có những nội dung chính như đối với Điều lệ Công ty luật hợp danh quy định tại khoản 1 Điều này và phải có chữ ký của tất cả luật sư thành viên của Văn phòng luật sư.

Điều 10. Thành lập và đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh

1. Luật sư thành lập tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương nơi có Đoàn luật sư mà mình là thành viên. Trong trường hợp luật sư của các Đoàn luật sư khác nhau muốn cùng thành lập một tổ chức hành nghề luật sư, thì có thể lựa chọn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư đó tại một trong các địa phương nơi có Đoàn luật sư mà họ là thành viên.

2. Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp của địa phương nơi đặt trụ sở của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh. Thủ tục đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh Luật sư.